

# KINH ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM

## QUYỂN III

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Vì hình tướng của chúng sinh có thấp, vừa, cao, nên mới cho rằng hư không có thấp, vừa, cao. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, đối với tất cả mọi nơi đều bình đẳng, không có phân biệt, không có sự sai khác, không sinh, không diệt, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, không có sắc tướng, không hý luận, không biểu thị, không thi thiết, không cảm giác, không trói buộc, không đo lường, vượt qua các sự đo lường, không ví dụ, vượt qua khỏi thí dụ, không trụ, không chấp thủ, vượt qua khỏi cảnh giới của mắt, lìa tâm ý thức, không có tướng mạo, không có văn tự, không có âm thanh, không tác ý, không xuất, không nhập, không cao, không thấp, vượt qua cảnh giới ngôn ngữ. Đối với tất cả mọi nơi đều tùy thuộc vào căn cơ của mỗi chúng sinh mà thích ứng. Chỉ vì chúng sinh có tánh thượng, trung, hạ, nên thấy Như Lai có tánh thượng, trung, hạ.

Này Diệu Cát Tường! Như Lai cũng không suy nghĩ như vậy: “Đối với chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc hạ thì Ta nên hiện thân tướng bậc hạ. Chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc trung thì Ta hiện thân tướng bậc trung. Chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc thượng, thì Ta nên hiện thân tướng bậc thượng”. Khi thuyết pháp cũng như vậy, Như Lai chỉ dùng một âm thanh giảng cho chúng sinh, rồi tùy theo từng loại chúng sinh đều được hiểu rõ. Nhưng Như Lai không có ý nghĩ: “Loài chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc hạ, thì Ta nói pháp Thanh văn thừa cho họ. Loài chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc trung, thì Ta nói pháp Duyên giác thừa cho họ. Loài chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc thượng, thì Ta nói pháp Bồ-tát thừa cho họ”. Như Lai cũng không có ý nghĩ: “Loài chúng sinh này tin hiểu bố thí

thì Ta nói pháp Bồ thí Ba-la-mật. Loài chúng sinh này tin hiểu Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ thì Ta nói cho họ các pháp Ba-la-mật đó. Đối với các pháp, Như Lai không phân biệt. Vì sao? Vì pháp thân của Như Lai rốt ráo không sinh, vì Như Lai không sinh nên không dùng danh sắc để giảng nói mà theo sự nhận biết mới cho sự chuyển đổi. Dù trong khoảng sát-na, Như Lai cũng không có chút phân biệt. Như Lai đầy đủ tướng vô tận, đối với cảnh giới cùng tận, cảnh giới chân thật, Như Lai đều biết rõ ràng: Đó là tất cả pháp, là cảnh giới bình đẳng. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác bình đẳng với tất cả mọi nơi, không phân biệt sai khác giữa hạ, trung, thượng. Cũng vậy, tất cả pháp đều bình đẳng, không có phân biệt khác nhau giữa hạ, trung, thượng. Vì sao? Vì tất cả các pháp vô sở đắc.

Này Diệu Cát Tường! Nếu tất cả các pháp vô sở đắc tức là tất cả các pháp bình đẳng. Nếu tất cả các pháp bình đẳng tức là pháp thường trụ. Nếu thường trụ tức là bất động. Nếu bất động tức là không chỗ nương dựa. Nếu tất cả các pháp không chỗ nương dựa tức là tâm vô sở trụ. Nếu tâm vô sở trụ tức là vô sinh nhưng lại sinh. Nếu quán sát được như vậy thì tâm, tâm sở chuyển biến mà không điên đảo. Tâm không điên đảo tức là lời nói đi đôi với việc làm. Nếu lời nói đi đôi với việc làm tức là không hý luận. Nếu không hý luận tức là vô sở hành. Nếu vô sở hành tức là không tan rã. Nếu không tan rã tức là không tụ tập. Nếu pháp không tan rã thì pháp tánh không trái ngược. Nếu pháp tánh không trái ngược tức là tùy thuận với tất cả mọi nơi. Nếu tùy thuận với tất cả mọi nơi tức là tự tánh của pháp bất động. Nếu tự tánh của pháp bất động thì tự tánh của pháp mới có sở đắc. Nếu tự tánh của pháp có sở đắc thì không có một pháp nhỏ nào mà không biết rõ được. Vì sao? Nên biết rằng vì tự tánh do nhân duyên sinh. Nếu tự tánh do nhân duyên tức là hoàn toàn vô sinh. Nếu hoàn toàn vô sinh tức là được tịch tĩnh. Nếu được tịch tĩnh tức là tất cả pháp tác ý không có chỗ dựa. Nếu tất cả pháp tác ý đều không có chỗ dựa tức là hoàn toàn không có chỗ dựa. Nếu không có chỗ dựa tức là không đắc, chẳng phải không đắc. Nếu không đắc, chẳng phải không đắc tức là đắc pháp thường trụ. Nếu

đắc pháp thường trụ tức là tương ứng với pháp thâm sâu chắc thật. Nếu tương ứng với pháp thâm sâu chắc thật thì không có pháp nhỏ nào có thể trụ và cũng không có pháp Phật. Vì sao? Vì hiểu biết trở về tánh không. Nếu giác ngộ được tánh không tức là Bồ-đề. Như vậy đối với không, vô tướng, vô nguyện, không tạo tác, không chấp trước, không sinh, không chấp thủ, không nương dựa đều giác ngộ, tức là Bồ-đề. Bồ-đề tương ứng với pháp thâm sâu chắc thật. Danh tương ứng do đó được hình thành, cho nên tương ứng pháp không cao, không thấp; tương ứng với không tạo tác, chẳng phải không tạo tác; tương ứng với không trói buộc, không tháo mở; tương ứng với không một tánh, không nhiều tánh; tương ứng với không đến, không đi. Đó tức là tương ứng pháp thâm sâu chắc thật. Nếu tương ứng với pháp thâm sâu chắc thật thì đó là không có chỗ tương ứng, cũng không có chỗ đoạn trừ, cũng không chứng quả. Vì sao? Vì tự tánh của tâm pháp xưa nay sáng suốt, chỉ vì bị khách trần phiền não làm ô uế, nhưng thật sự tự tánh không bị ô nhiễm. Nếu tự tánh sáng suốt tức là không phiền não. Nếu không phiền não tức là không đối trị. Nghĩa là do đối trị mà phiền não đều đoạn trừ cả. Vì sao? Vì không phải đã tịnh, không phải sẽ tịnh, không lìa thanh tịnh vì xưa nay như vậy. Nếu thanh tịnh tức là vô sinh. Nếu vô sinh tức là bất động. Nếu bất động thì đoạn trừ các hỷ lạc, tất cả những gì ưa thích cũng đều đoạn trừ. Nếu các ái đều đoạn diệt tức là vô sinh. Nếu pháp vô sinh tức là Bồ-đề. Bồ-đề là bình đẳng. Bình đẳng là chân như. Chân như tức là các pháp hữu vi hay vô vi đều là vô trụ. Nếu trong chân như không có pháp hữu vi hay vô vi tức là thiết lập bất nhị. Nếu pháp hữu vi và vô vi thiết lập bất nhị thì nó tức là chân như. Nếu nó là chân như thì không khác với chân như. Nếu không khác với chân như thì không có chủng loại chân như. Nếu không có chủng loại chân như tức là chân như không đến. Nếu chân như không đến tức là chân như không đi. Nếu chân như không đi thì đúng với chân như đã nói. Nếu đúng với chân như đã nói tức là chân như vô sinh. Chân như vô sinh tức là không nhiễm không tịnh. Nếu không nhiễm không tịnh tức là không sinh không diệt. Nếu không sinh không diệt tức là Niết-bàn bình đẳng. Nếu Niết-bàn bình đẳng tức là không sinh tử, cũng không

Niết-bàn. Nếu không sinh tử, không Niết-bàn tức là không quá khứ, vị lai và hiện tại. Nếu không quá khứ, vị lai và hiện tại tức là không có pháp hạ, trung, thượng. Nếu không có pháp hạ, trung, thượng tức là chân như. Tên chân như do đây mà lập ra. Như vậy, chân như nói đây cũng gọi là thật tánh. Thật tánh nói đây cũng gọi là như tánh, cũng là chân như. Chân như và ngã vốn không hai, cũng không có chủng loại. Nghĩa của không hai là Bồ-đề. Bồ-đề là nghĩa của giác ngộ. Nghĩa nói ở đây tức là trí chứng nhập ba môn giải thoát, là trí giảng nói tất cả pháp làm hiểu rõ và thể nhập vào tất cả pháp ba đời đều bình đẳng, là nghĩa tất cả pháp không hư hoại. Nghĩa nói ở đây tức là không nghĩa, không âm thanh, không ghi chép, không giải rõ và giải rõ sự phát khởi. Như vậy nói trí nghĩa là nghĩa tùy theo trí hiểu biết, thức tùy theo trí hiểu biết. Như vậy, thắng nghĩa tức là pháp tánh. Nghĩa của pháp tánh kia tức là nghĩa theo trí hiểu biết, thức theo trí hiểu biết, thắng nghĩa theo trí hiểu biết, đúng như pháp tánh tức là đúng như nghĩa. Nếu pháp tánh tức là pháp trụ tánh, thì đó là tánh tịch tĩnh của pháp. Pháp tịch tĩnh ấy không bị lay động. Nếu pháp không bị lay động thì văn và nghĩa đều bình đẳng. Nếu văn và nghĩa đều bình đẳng tức là nghĩa ấy không có hai và bình đẳng. Nếu nghĩa ấy bình đẳng thì nghĩa thức cũng bình đẳng. Đây là nhập vào trí bình đẳng của pháp môn không hai. Do đó thế tục và thắng nghĩa đều bình đẳng. Vì nghĩa thế tục bình đẳng nên nghĩa không và tánh bình đẳng đều bình đẳng. Nếu nghĩa tánh không bình đẳng thì Bồ-đặc-già-la bình đẳng và tánh bình đẳng. Nếu Bồ-đặc-già-la bình đẳng thì tánh của pháp bình đẳng. Nếu pháp bình đẳng thì sự tin hiểu tánh bình đẳng. Nếu tin hiểu bình đẳng hiểu biết rõ ràng tức là Bồ-đề.

Này Diệu Cát Tường! Nếu đối với tánh bình đẳng của sắc mà có chấp trước có chướng ngại thì đối với mắt cũng có chướng ngại, vì trí tự tánh của sắc và mắt không bị chướng ngại. Nếu đối với các kiến mà có chấp trước, có chướng ngại, tức là đối với thân có chướng ngại, vì các kiến thú trong thân tự tánh là không trí, không bị chướng ngại. Nếu đối với tác ý không sâu bên mà có chấp trước, có chướng ngại, tức là đối với pháp quang minh có chướng ngại, vì các tác ý

sâu bên nên quan sát tự tánh các pháp là không trí, không bị chướng ngại. Nếu đối với nghi hoặc cấu nhiễm mà có chấp trước, có nghi ngờ, tức là giải thoát có chướng ngại, vì trí tín giải, giải thoát như thật, không bị chướng ngại. Nếu đối với biếng trễ cấu nhiễm mà có chấp trước, có chướng ngại, tức là hiện chứng tinh tấn kiên cố không có chướng ngại, vì tánh hiểu rõ pháp đã nói không có chướng ngại. Nếu đối với các chướng ngại có chấp trước, có chướng ngại, tức là đối với pháp bảy giác chi có chướng ngại, vì trí giải thoát không chướng ngại, không có chướng ngại. Nên biết, tự tánh của tất cả pháp là thanh tịnh, chỉ do nhân duyên hòa hợp mà chuyển đổi. Các Bồ-tát phải biết rõ ràng nhân nhiễm, nhân tịnh trong tất cả pháp. Nếu nhân nhiễm, nhân tịnh đều thanh tịnh tức là vô sở trụ. Nếu nói phát sinh ngã và phát sinh kiến đều là nhân nhiễm, thì nhập vào pháp vô ngã nhãn nhục là nhân tịnh. Còn nói ngã, ngã sở và kiến là nhân nhiễm, thì bên trong tịch tĩnh, bên ngoài không tác động là nhân tịnh. Dục, sân, hại, tầm là nhân nhiễm; từ, bi, hỷ, xả nhập vào quán sát pháp, nhãn nhục là nhân tịnh. Bốn điên đảo là nhân nhiễm, bốn niệm xứ là nhân tịnh. Năm cái là nhân nhiễm, năm căn là nhân tịnh. Sáu xứ là nhân nhiễm, sáu niệm là nhân tịnh. Bảy pháp tà là nhân nhiễm, bảy pháp giác chi là nhân tịnh. Tám pháp tà là nhân nhiễm, tám pháp chánh đạo là nhân tịnh. Chín não là nhân nhiễm, chín thứ đệ định là nhân tịnh. Mười nghiệp đạo bất thiện là nhân nhiễm, mười nghiệp đạo thiện là nhân tịnh. Nói tóm lại, tất cả tác ý về bất thiện đều là nhân nhiễm, tất cả tác ý thiện là nhân tịnh. Dù nhân nhiễm hay nhân tịnh thì tự tánh của các pháp ấy đều là không, không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có người nuôi dưỡng, không có Bồ-đặc-già-la, không có chủ tử, không có giữ gìn, không tạo tác, như huyễn, không có tướng, nội tâm tịch tĩnh. Nếu trong tịch tĩnh thì hoàn toàn tịch tĩnh. Nếu hoàn toàn tịch tĩnh tức là tự tánh. Nếu là tự tánh của các pháp thì không sở đắc. Nếu không sở đắc thì không có chỗ nương tựa. Nếu không có chỗ nương tựa tức là hư không. Nên biết tất cả các pháp dù nhiễm hay tịnh đều như hư không. Nhưng hư không cũng không hoại pháp tánh. Vì sao? Nay Diệu Cát Tường! Vì trong đó không có một pháp nhỏ nào có thể đắc,

hoặc là sinh, hoặc là diệt.

Bồ-tát Diệu Cát Tường bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy làm sao Như Lai chứng Bồ-đề?

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Cát Tường! Vì không có căn bản không trụ nên đắc Bồ-đề.

Diệu Cát Tường thưa:

–Bạch Thế Tôn! Căn bản là gì và trụ là gì?

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Cát Tường! Có thân là căn bản, do hư vọng phân biệt mà trụ. Vì Bồ-đề của Chư Phật Như Lai bình đẳng tức là trí của tất cả pháp bình đẳng, cho nên nói không có căn bản không có trụ. Nhờ đó mà Như Lai hiện chứng chánh giác.

Này Diệu Cát Tường! Ông nên biết các pháp tịch tĩnh và cận tịch. Sao gọi là tịch tĩnh? Sao gọi là cận tịch? Trong gọi là tịch tĩnh, ngoài gọi là cận tịch. Vì sao? Vì mắt rỗng không cho nên tự tánh của ngã và ngã sở cũng rỗng không, như vậy gọi là tịch tĩnh. Đã biết mắt rỗng không thì sắc không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch. Vì tai rỗng không nên tự tánh của ngã và ngã sở đều rỗng không, đây gọi là tịch tĩnh. Đã biết tai rỗng không thì âm thanh không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch. Vì mũi rỗng không nên tự tánh của ngã và ngã sở đều rỗng không, đây gọi là tịch tĩnh. Đã biết mũi rỗng không thì hương không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch. Vì lưỡi rỗng không nên tự tánh của ngã và ngã sở đều rỗng không, đây gọi là tịch tĩnh. Đã biết lưỡi rỗng không thì vị không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch. Vì thân rỗng không nên tự tánh của ngã và ngã sở đều rỗng không, đây gọi là tịch tĩnh. Đã biết thân rỗng không thì xúc không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch. Vì ý rỗng không nên tự tánh của ngã và ngã sở đều rỗng không, đây gọi là tịch tĩnh. Đã biết ý rỗng không thì pháp không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch.

Này Diệu Cát Tường! Tự tánh Bồ-đề trong sáng, tự tánh của tâm trong sáng. Vì sao? Vì nói tự tánh trong sáng tức là tự tánh không nhiễm ô, sánh bằng với hư không. Mà hư không và tự tánh bao trùm tất cả, giống như đặc tính của hư không. Hơn nữa, tự tánh

vốn hoàn toàn trong sáng.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Bồ-đề không nhập cũng không xuất. Thế nào là không nhập, không xuất? Nghĩa là không thấu lấy nên nói không nhập, không vượt bỏ nên nói là không xuất. Như Lai chứng ngộ không nhập, không xuất. Như sự chứng ngộ tức là đồng với chân như, không đây không kia, vì tất cả các pháp lìa bỏ đây kia. Thế nên Như Lai hiện thành Chánh giác.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề là vô tướng và cũng không có đối tượng duyên. Sao gọi là vô tướng và không có đối tượng duyên? Nghĩa là nhãn thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Sắc không có đối tượng quán, đó gọi là không có đối tượng duyên. Nhĩ thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Thanh không có chỗ nghe, đó gọi là không có đối tượng để duyên.

Tỷ thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Hương không chỗ ngửi, đó gọi là không có đối tượng để duyên.

Thiệt thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Vị không chỗ nếm, đó gọi là không có đối tượng để duyên.

Thân thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Xúc không chỗ giác biết, đó gọi là không có đối tượng để duyên.

Ý thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Pháp không chỗ phân biệt, đó gọi là không có đối tượng để duyên.

Này Diệu Cát Tường! Những điều nói trên đây đều là cảnh giới của chư Thánh. Nếu còn thuộc trong ba cõi thì chẳng phải là cảnh giới của bậc Thánh. Do đó cần phải hành trong cảnh giới của bậc Thánh.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Bồ-đề chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Ba đời đều bình đẳng nên ba luân đều đoạn. Ba luân đó là tâm quá khứ không chuyển, thức vị lai không chấp lấy, ý hiện tại không động. Tâm, ý, thức ấy dù có chỗ trụ nhưng không phân biệt, không lìa phân biệt, không đo lường, không lìa đo lường, không có quá khứ đã làm ra, không có vị lai được lãnh thọ, và không có hiện tại hý luận.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Bồ-đề chẳng phải do thân mà có thể đạt được, vì không có chỗ tạo tác. Chẳng phải do thân mà có thể

đạt được, nghĩa là nhãn thức không chỗ nào để nhận biết và nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức không chỗ nào để nhận biết. Vì chẳng phải tâm, ý, thức nhận biết nên đó tức là vô vi. Như vậy nói về vô vi nghĩa là không sinh, không trụ, không diệt, ba luân thanh tịnh. Giống như vô vi ấy, đối với pháp hữu vi cần phải biết như thế. Vì sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh, pháp không có tự tánh tức là pháp không có hai.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề là nghĩa lý, không sai biệt. Sao gọi là không sai biệt? Sao gọi là nghĩa lý? Nghĩa là không tướng là không sai biệt, chân như là nghĩa lý. Không trụ là không sai biệt, pháp giới là nghĩa lý. Không có các chủng tánh là không sai biệt, không động là nghĩa lý. Rỗng không là không sai biệt, không tướng là nghĩa lý. Không tầm từ là không sai biệt, không tướng là nghĩa lý. Không cầu nguyện là không sai biệt, không có chúng sinh là nghĩa lý. Chúng sinh không tự tánh là không sai biệt, hư không là nghĩa lý. Không sở đắc là không sai biệt, không sinh là nghĩa lý. Không diệt là không sai biệt, không tạo tác là nghĩa lý. Không có chỗ tạo tác là không sai biệt, Bồ-đề là nghĩa lý. Vắng bật là không sai biệt, Niết-bàn là nghĩa lý. Không có đối tượng để chấp lấy là không sai biệt, không sinh là nghĩa lý.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề chẳng phải do thân mà có thể chứng. Vì sao? Vì thân có sinh nhưng không nghĩ ngợi, bất động, giống như cây cỏ, gạch ngói, tâm ấy như huyễn, rỗng không không thật, không tạo tác.

Này Diệu Cát Tường! Nếu hiểu rõ như thật về thân, tâm tức là Bồ-đề. Đây là thực hành theo thế tục để chứ chẳng theo thắng nghĩa đế. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế không có thân, không có tâm, không có pháp, không có phi pháp, không thật, không phải không thật, không chân, không vọng, không nói năng, không phải không nói năng. Tất cả pháp là Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-đề không có xứ sở, không thể dùng ngôn ngữ để tỏ bày. Ví như hư không không có xứ sở, cũng không tạo tác, không sinh, không diệt, không thể dùng ngôn ngữ để tỏ bày. Như Lai là Bồ-đề không có xứ sở, không tạo tác, không sinh, không diệt, không bày tỏ. Khi quán sát như thật, như lý



thì hết thấy pháp ấy đều không nói năng, Bồ-đề cũng vậy, khi quán sát như thật cũng không nói năng. Vì sao? Vì sự nói năng không thật, nên không sinh diệt.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề không thể nắm bắt, không thể chứa giấu. Sao gọi là không thể nắm bắt? Sao gọi là không chứa giấu? Vì hiểu rõ nhãn nên gọi là không thể nắm bắt. Với sắc không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu. Hiểu rõ về nhĩ nên gọi là không thể nắm bắt. Với thanh không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu. Hiểu rõ tỷ nên gọi là không thể nắm bắt. Với hương không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu. Hiểu rõ thiệt nên gọi là không thể nắm bắt. Với vị không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu. Hiểu rõ về thân nên gọi là không thể nắm bắt. Với xúc không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu. Hiểu rõ về ý nên gọi là không thể nắm bắt. Với pháp không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu.

Do Như Lai không thể nắm bắt và không chứa giấu nên hiện chứng Bồ-đề. Sau khi chứng Bồ-đề thì nhãn không có gì để nắm bắt, sắc không có cái để đắc, nhãn thức không trụ. Nhĩ không chỗ nắm bắt, thanh không chỗ thủ đắc, nhĩ thức không trụ. Tỷ không chỗ nắm bắt, hương không chỗ thủ đắc, tỷ thức không trụ. Thiệt không chỗ nắm bắt, vị không chỗ thủ đắc, thiệt thức không trụ. Thân không chỗ nắm bắt, xúc không chỗ thủ đắc, thân thức không trụ. Ý không chỗ nắm bắt, pháp không chỗ thủ đắc, ý thức không trụ. Với thức không trụ nên mới gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Diệu Cát Tường nên biết! Chúng sinh có bốn loại pháp để tâm trụ vào. Những gì là bốn?

Đó là Sắc, Thọ, Tưởng và Hành. Tất cả chúng sinh đều trụ vào tâm ấy. Nghĩa là vì tâm của chúng sinh trụ vào bốn pháp đó nên Như Lai mới nói bất sinh bất diệt. Vì không hiểu rõ nên kiến lập ra Bồ-đề, gọi đó là không. Vì Bồ-đề rỗng không nên tất cả pháp đều rỗng không và Như Lai cũng rỗng không. Nhờ không ấy mà hiện chứng chánh giác.

Này Diệu Cát Tường! Vì chẳng phải là rỗng không cho nên thủ chứng. Bồ-đề cũng rỗng không. Nên biết, trong pháp có một trí đúng

đó là tánh không. Vì Bồ-đề không phải là rỗng không cho nên Bồ-đề không hai. Do đó Bồ-đề và không đều không có chủng loại. Vì sao? Vì tất cả các pháp ấy vốn là không hai, không có tướng trạng, không có chủng loại, không danh, không tướng, lìa tâm ý thức, không sinh, không diệt, không hành, chẳng phải không hành, cũng không chứa nhóm, không văn tự, không quên mất. Do đó mới nói các pháp là rỗng không, không có đối tượng để nắm bắt. Những điều nói ra đây chẳng phải theo thắng nghĩa đế, vì trong thắng nghĩa đế không có pháp để đạt được nên mới nói là rỗng không.

Này Diệu Cát Tường! Ví như hư không, hư không nói ở đây nghĩa là không có lời nói, nên gọi là hư không. Này Diệu Cát Tường! Pháp không cũng lại như vậy, pháp không nói ở đây nghĩa là vô ngôn, do đó gọi là rỗng không. Nếu thể nhập hoàn toàn được như vậy tức là tất cả các pháp không có danh từ. Vì không có danh từ nên tất cả các pháp mượn danh từ để thiết lập.

Này Diệu Cát Tường! Danh không ở phương nào, không lìa một phương. Vì danh không ở phương nào, không lìa phương, nên pháp mới có danh từ để nói. Pháp mà được nói ra cũng không ở phương nào, không lìa phương.

Tất cả các pháp cũng đều như vậy. Như Lai đã hiểu rõ xưa nay là như vậy, không sinh, không diệt, không phát khởi, không tướng, lìa tâm ý thức, không văn tự, không âm thanh. Nếu ai hiểu rõ được như vậy thì đều được giải thoát.

Này Diệu Cát Tường! Nên biết, tất cả các pháp không buộc, không mở.

